

Bản án số: **57/2018/DS-PT**

Ngày: **20/4/2018**

V/v: *Tranh chấp thừa kế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Thiện Kế**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Đức Khải**

Ông **Phạm Hùng Nuôi**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Thanh Lâm**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà **Tăng Thị Thúy Hằng**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 153/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc "*Tranh chấp thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 62/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **E**, sinh năm 1954.(có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **T**, sinh năm 1962.(có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **NLQ 1**.(có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bà **NLQ 2** (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

3. Ông **NLQ 3**.(có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

4. Bà **NLQ 4**. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Anh **NLQ 5**. (có mặt)

6. Anh **NLQ 6**. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

7. Chị **NLQ 7**. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

8. Chị **NLQ 8**. (có mặt)

9. Chị **NLQ 9**. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

10. Ông **NLQ 10**. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

11. Bà **NLQ 11**. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

- *Người kháng cáo*: Của bị đơn ông T.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn E trình bày:

Cha mẹ nguyên đơn tên VT chết năm 2006 và bà C chết năm 2005, VT bà C có 05 người con gồm: NLQ 1, NLQ 2, bà E, NLQ 3 và ông T.

Khi còn sống, VT và bà C đã chia đất NLQ 1 và NLQ 3 và đã được cấp giấy chủ quyền đất. Ngoài ra, VT và bà C có cho bà E làm 01 công ruộng giáp bà NLQ 2 nhưng bà E làm được vài năm thì trả lại cho VT và bà C.

Phần đất VT và bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất 145, 148, 165 và 166 cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể là:

- Thửa 148 diện tích 1.721m², trên đất có căn nhà của ông VT và bà C nhưng đã hư hỏng không còn sử dụng được và nền mộ của ông VT và bà C.

- Thửa số 145 phía sau nhà diện tích 2.810m², phần đất này đã bán cho ông NLQ 10 diện tích 1.800m².

- Thửa 165 diện tích 1.945m².

- Thửa 166 diện tích 2.620m².

Tổng diện tích: 9.096 m².

Ông VT và bà C chết không để lại di chúc. Vì vậy, nguyên đơn E khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

- Diện tích đất tại thửa 148 có mồ mả cha mẹ, phần của nguyên đơn được nhận thừa kế thì nguyên đơn đồng ý để cho gia đình ông T hưởng. Đối với căn nhà thì không yêu cầu chia vì không còn giá trị sử dụng.

- Diện tích đất tại thửa số 145 phía sau nhà, đối với phần đã bán cho NLQ 10 thì sang tên cho NLQ 10, phần của nguyên đơn được nhận thừa kế thì nguyên đơn đồng ý để cho gia đình ông T hưởng.

- Diện tích đất tại thửa số 166, phần của nguyên đơn được nhận thừa kế thì nguyên đơn đồng ý để cho gia đình ông T hưởng.

- Diện tích đất tại thửa 165 giáp Lộ Nam Sông Hậu, nguyên đơn yêu cầu chia thành 05 phần bằng nhau, nguyên đơn nhận 01 phần phía đối diện nhà của ông T giáp bên phần đất của NLQ 2, đối với các cây ăn trái do gia đình ông T trồng thì bà E đồng ý trả giá trị bằng tiền.

Bị đơn ông T trình bày:

Cha ông tên VT chết năm 2006 và mẹ tên bà C chết năm 2005, cha mẹ có 05 người con như bà E trình bày là đúng sự thật.

Khi còn sống, cha mẹ đã chia đất cho các con cụ thể như sau:

- NLQ 1 được chia 02 công ruộng, NLQ 1 đã được cấp bằng khoán và đã sang bán cho người khác.

- NLQ 3 được cho 02 công ruộng, NLQ 3 đã được cấp bằng khoán và đã sang bán cho người khác.

Phần đất cha mẹ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 04 thửa trong đó bán 01 phần cho NLQ 10 như bà E trình bày là đúng, còn lại được chia cụ thể như sau:

- Đất tại nhà chỗ căn nhà của cha mẹ thì chia cho NLQ 2 01 cái nền nhà NLQ 2 đang ở.

- Đất vườn phía sau nhà chỗ mộ cha mẹ thì chia cho gia đình ông T làm từ trước đến nay.

- Đất ruộng chỗ NLQ 2 đang làm và bán cho NLQ 11 một phần, trước đây cha mẹ cho bà E 01 công giáp 01 công đất cha mẹ cho NLQ 2, nhưng bà E chỉ làm ruộng vài năm thì trả lại cho cha mẹ, sau đó cha mẹ bán cho NLQ 2 02 công để lấy tiền mua cho bà E 01 chiếc máy may trị giá bằng khoảng 03 công ruộng lúc bấy giờ. Đối với phần đất này, gia đình ông T chỉ làm một phần nhỏ giáp đề bao.

- Phần đất giáp lộ Nam Sông Hậu, NLQ 2 được cha mẹ 01 liếp vườn đối diện nhà ông T bây giờ, chiều ngang 7,5m từ hướng Cần Thơ về Sóc Trăng chạy dài hết đất do NLQ 2 làm từ trước đến nay, chia cho NLQ 3 01 liếp chiều ngang khoảng 8m và NLQ 3 đã bán cho gia đình ông T phần còn lại thì cho gia đình ông T và gia đình ông T sử dụng liên tục từ trước đến nay.

Khi ông VT và bà C già yếu và đau bệnh có vay của Ngân hàng và nhiều người khác khoảng 35.000.000đ và 50 chỉ vàng, số tiền vay Ngân hàng thì gia đình ông T đã trả xong năm 2007, số vàng cũng đã trả gần hết chỉ còn thiếu lại một phần.

Ông T và vợ tên NLQ 4 cùng các con tên NLQ 5, NLQ 6, NLQ 7, NLQ 8 và NLQ 9 đang sử dụng tên phần đất do ông VT và bà C cho tặng từ trước đến nay, nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà E, vì cho rằng: Khi còn sống cha mẹ đã chia tài sản cho các con, bà E chưa được chia đất nhưng đã nhận 01 cái máy may trị giá bằng 03 công ruộng. Ông T yêu cầu được tiếp tục sử dụng trên phần đất do cha mẹ đã cho tặng và làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật, số nợ thì gia đình ông T tự trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần đất của NLQ 2 thì sang tên cho NLQ 2, đối với phần đất sang bán cho NLQ 10 thì sang tên cho NLQ 10.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 1 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà E về cha mẹ và anh chị em. Khi còn sống, cha mẹ đã chia đất cho các con như ông T trình bày là đúng. Các con đều đã được chia tài sản nên không chia nữa. Bà yêu cầu được làm thủ tục sang tên cho ông T và người liên quan NLQ 2 đúng như phần đất mà ông T và người liên quan NLQ 2 đang sử dụng theo ý nguyện của cha mẹ khi còn sống. Bà cũng đồng ý làm thủ tục sang tên cho NLQ 10 theo quy định của pháp luật vì phần đất này cha mẹ bà đã bán cho NLQ 10. NLQ 1 thừa nhận khi cha mẹ già yếu, có vay nợ để điều trị bệnh nhưng cụ thể là bao nhiêu thì bà không biết, gia đình ông T đã lo cho cha mẹ thì gia đình ông T được hưởng tài sản của cha mẹ chết để lại.

Nếu theo quy định của pháp luật, phần đất của cha mẹ phải chia thừa kế theo pháp luật, phần bà được hưởng thừa kế thì bà nhận nhưng bà tặng cho lại em trai út là ông T, bà yêu cầu Tòa án xem xét công chăm sóc cha mẹ của ông T theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 2 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà E về cha mẹ và anh chị em. Đối với phần tài sản cha mẹ cho NLQ 1, NLQ 3 và ông T là đúng, còn đối với phần cha mẹ cho bà cụ thể như sau:

- Phần đất giáp nhà cha mẹ, bà được cho 01 cái nền nhà hiện nay bà đang ở.
- Phần đất giáp đê bao, cha mẹ cho bà 01 công, cho E 01 công, cho ông T một phần giáp đê bao, còn lại 01 công của cha mẹ, do bà E không quen làm ruộng nên làm được vài năm thì trả lại cho cha mẹ, sau đó cha mẹ bán cho bà 02 công gồm 01 công của cha mẹ và 01 công của bà E và bù thêm tiền để mua cho bà E 01 chiếc máy may trị giá bằng khoảng 03 công ruộng lúc bấy giờ. Như vậy, bà có 03 công ruộng và bà đã bán cho bà NLQ 11 1,5 công còn lại bà đang canh tác sử dụng. Phần đất giáp đê bao thì ông T sử dụng từ trước đến nay.
- Phần đất giáp Lộ Nam Sông Hậu, bà được chia 01 liếp vườn chiều ngang 7,5m dài hết đất hướng Cần Thơ đi Sóc Trăng bà đang làm từ trước đến nay.

Cha mẹ đã chia tài sản cho các con rõ ràng. Vì vậy bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà E. Bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất bà được chia và sang tên cho bà, phần của gia đình ông T thì sang tên cho ông T còn phần bán cho NLQ 10 thì sang tên cho NLQ 10.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 3 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của Bà E về cha mẹ và anh chị em. Khi còn sống, cha mẹ đã chia đất cho con như ông T trình bày là đúng. Phần liếp vườn giáp lộ Nam Sông Hậu thì ông đã bán cho gia đình ông T thì gia đình ông T tiếp tục sử dụng. Các con đều đã được chia tài sản nên

không chia nữa. NLQ 3 thừa nhận khi cha mẹ già yếu có vay nợ để điều trị bệnh nhưng cụ thể là bao nhiêu ông không biết, gia đình ông T lo cho cha mẹ thì được hưởng tài sản do cha mẹ chết để lại.

Nếu theo quy định của pháp luật, phần đất của cha mẹ phải chia thừa kế theo pháp luật, phần ông được hưởng thừa kế thì ông nhận nhưng ông tặng cho lại em trai út là ông T, ông yêu cầu Tòa án xem xét công chăm sóc cha mẹ của ông T theo quy định của pháp luật.

Anh NLQ 5 là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các người có liên quan NLQ 4, NLQ 5, NLQ 6, NLQ 7 và NLQ 8 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của cha ruột là ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 10 trình bày:

Năm 2001 ông có mua của ông VT và bà C 1.800m² đất vườn kế đất gia đình ông, việc mua bán có làm giấy tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Khi nhà nước làm thủ tục cấp giấy mới, ông đã kê khai nhưng chưa được cấp giấy. Ông đang làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc mua bán đất giữa ông và ông VT và bà C trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 11 trình bày:

Năm 2009 bà có mua của NLQ 2 phần đất chiều ngang 12m (4 tầm) chiều dài 162m (54 tầm), việc mua bán có làm giấy tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Khi nhà nước làm thủ tục cấp giấy mới, bà đã kê khai nhưng chưa được cấp giấy. Bà đang làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc mua bán đất giữa bà và NLQ 2 trong vụ án này.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết như sau:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 165 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các điều 357, 609, 612, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013.
- Căn cứ Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn E.

1/. Tuyên bố diện tích đất tại các thửa đất 145, 148, 165 và 166 cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông VT là di sản thừa kế của ông VT và vợ là bà C.

2/. Chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất nêu trên, cụ thể như sau:

* *Thửa 148 được chia cụ thể như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 1.087m² đất tại thửa 148, (có tứ cận kèm theo)

+ Người có liên quan NLQ 2 được hưởng thừa kế 121m² tại thửa 148, (có tứ cận kèm theo)

** Thửa 145 được chia như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 1.482m² đất tại thửa 145, (có tứ cận kèm theo)

** Thửa 166 được chia như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 363m² đất tại thửa 166, (có tứ cận kèm theo)

+ Người có liên quan NLQ 2 được hưởng thừa kế 3.831m² tại thửa 166 (trong đó bao gồm cả phần đất NLQ 2 đã bán cho bà NLQ 11), (có tứ cận kèm theo)

** Thửa 165 được chia như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 3.582m² đất tại thửa 165 phần bên phía nhà ông T, (có tứ cận kèm theo)

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 714m² đất tại thửa 165 phần đối diện nhà ông T, (có tứ cận kèm theo)

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ 2 được hưởng thừa kế 734m² đất tại thửa 165 phần đối diện nhà ông T, (có tứ cận kèm theo)

+ Nguyên đơn E được hưởng thừa kế 983m² đất tại thửa 165 phần đối diện nhà ông T, trên đất có 04 cây vú sữa lớn đang cho trái, 15 cây nhãn da bà lớn đang cho trái, 05 cây nhãn da bò loại nhỏ, 20 cây chanh loại lớn, 10 cây chanh loại nhỏ, 15 cây xoài trồng khoảng 01 năm và 20 cây ổi mới trồng của ông T, (có tứ cận kèm theo)

Bà E phải trả giá trị bằng tiền đối với các cây trồng cho ông T với số tiền là 21.100.000đ (*hai mươi một triệu, một trăm ngàn đồng*). Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà E không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà E còn phải trả cho ông T số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

(Có sơ đồ phân chia đất thừa kế kèm theo bản án)

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/9/2017, bị đơn ông T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 62/2017/DS-ST, ngày 19/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà E.

Ngày 19/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 14/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 62/2017/DS-ST, ngày 19/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng:

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nhà nước cấp đất tại thửa 165 diện tích 1.945m² nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên xử chia thừa kế thửa đất 165 với tổng diện tích 6.013m², trên lệch 4.068m² là khó khăn trong giai đoạn thi hành án.

- Nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế thừa đất 165, và đồng ý tặng cho các thửa 148, 145, 166 nhưng bản án sơ thẩm lại chia thừa kế tất cả các thửa đất 148, 145, 166 là chưa phù hợp quy định pháp luật.

- Tổng giá trị cây trồng 22.850.000 đồng nhưng khi tuyên xử thì chỉ buộc nguyên đơn trả số tiền 21.100.000 đồng là thiệt thòi cho ông T.

- Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn trả giá trị cây trồng là 21.100.000 đồng nhưng lại không tính án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề xuất Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, vắng mặt các người có quyền lợi, nghĩa vụ riêng quan gồm bà NLQ 4, anh NLQ 6, chị NLQ 7 và chị NLQ 9, tuy nhiên những người vắng mặt này đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ 10 và bà NLQ 11 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên NLQ 10 và NLQ 11 cũng đã có lời khai trong vụ án và việc vắng mặt NLQ 10 và NLQ 11 cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về Nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của cha mẹ để lại tại các phần đất thửa 145, 148, 165 và thửa 166 cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 322681 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông VT, do VT và bà C chết không để lại di chúc. Bị đơn không đồng ý và cho rằng, lúc còn sống cha mẹ là ông VT và bà C đã chia các phần đất cho các anh em hết rồi, còn các phần đất này cha mẹ đã cho bị đơn rồi, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông T thì thấy:

[3.1] Cha mẹ của bà E và ông T là ông VT và bà C có các phần đất tại các thửa 145, 148, 165 và thửa 166 cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 322681 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông VT. Bị đơn cho rằng khi ông VT và bà C còn sống thì đã chia các phần đất và

tài sản cho các con hết rồi, còn các phần đất này là của gia đình bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có căn cứ gì chứng minh các phần đất này là của cha mẹ cho bị đơn, cũng như không có căn cứ gì chứng minh các thửa đất này là tài sản của bị đơn. Trong khi đó, các phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ VT, hiện tại ông VT vẫn còn đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên về mặt pháp lý thì ông VT vẫn là chủ sử dụng hợp pháp của các thửa đất nêu trên. Do ông VT và Bà C chết không để lại di chúc, nên E là một trong các người thừa kế thứ nhất của ông VT và bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cha mẹ để lại là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc bị đơn yêu cầu Tòa án bác yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2] Các đương sự đều thừa nhận, lúc sinh thời ông VT và bà C có 05 người con gồm: NLQ 1, NLQ 2, E, NLQ 3 và T. Ngoài ra ông VT và bà C không có con nuôi hay con riêng và khi ông VT và bà E chết thì không có để lại di chúc. Nên các thửa đất 145, 148, 165 và thửa 166 cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế của ông VT và bà C để lại. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì NLQ 1, NLQ 2, E, NLQ 3 đồng ý nhận thừa kế tại các phần đất thửa 145, 148 và thửa 166 nhưng tự nguyện cho lại ông T, vì ông T có công chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ đến khi qua đời. Riêng người có liên quan NLQ 2 xin được hưởng phần thừa kế mà cha mẹ đã cho từ trước đến nay là 121m² tại thửa 148 và 3.831m² tại thửa 166 (trong đó bao gồm cả phần đất NLQ 2 đã bán cho bà NLQ 11) và nguyên đơn E chỉ xin nhận thừa kế tại phần đất thửa 165.

[3.3] Riêng thửa đất 165 theo như cấp sơ thẩm thẩm định có diện tích 6.013m². Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hộ ông VT được cấp chỉ có diện tích là 1.945m² là có sự chênh lệch rất lớn về diện tích. Trong quá trình giải quyết vụ án, thì bị đơn ông T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định lại phần đất tranh chấp và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vào ngày 20/3/2018 tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng kết hợp với cơ quan quản lý đất đai là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K và địa chính của địa phương tiến hành thẩm định lại phần đất tranh chấp. Tại biên bản thẩm định thể hiện sau khi trừ diện tích Nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng làm lộ Nam Sông Hậu với diện tích 418,9m², thì diện tích thực tế còn lại của thửa 165 là 1.519,4m². Việc cấp sơ thẩm xác định thửa đất 165 có diện tích 6.013m² là do khi thẩm định cấp sơ thẩm đo trùm qua các phần đất của các hộ dân khác như: bao trùm qua một phần đất của thửa 168 của bà B; 169 của ông D; 164 của bà H...Do đó, khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành chia thừa kế đối với thửa đất 165 thì chia luôn diện tích của các phần đất của người khác là không đúng theo quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ dân khác. Do đó cấp phúc thẩm cần xác định lại thửa đất 165 sau khi trừ diện tích đất bị thu hồi làm lộ Nam Sông Hậu thì chỉ còn diện tích 1.519,4m² và chỉ giải quyết chia thừa kế theo diện tích này thì mới đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Lúc sinh thời ông VT và bà C được 05 người con như đã nêu trên, cho nên $1.519,4\text{m}^2 / 05 \text{ người} = 303,8\text{m}^2$. Do NLQ 1 NLQ 3 và NLQ 2 nhận thừa kế nhưng cho lại ông T nên diện tích ông T được nhận tại thửa số 165 là 1.215,6m² và diện tích E được nhận

là 303,8m². Trên phần đất bà E được nhận thừa kế thì có các cây trồng do ông T trồng bảo gồm:

- Dừa mới trồng có 14 cây x 20.000 đ/cây=280.000 đồng.
- Nhãn da bò loại lớn có 15 cây x 500.000đ/cây = 7.500.000đ.
- Nhãn da bò loại nhỏ có 3 cây x 350.000đ/cây = 1.050.000đ.
- Chanh bông tím loại lớn có 20 cây x 200.000đ/cây = 4.000.000đ.
- Chanh bông tím loại nhỏ có 25 cây x 140.000.000đ = 3.500.000đ.
- Xoài Đoài loan loại nhỏ có 15 cây x 200.000đ/cây = 3.000.000đ.
- Ổi mới cho trái có 20 x 90.000đ/cây = 1.800.000đ
- Vú sữa loại đang cho trái có 7 cây x 720.000đ/cây =5.040.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị cây trồng E phải trả cho ông T với số tiền là 26.170.000 đồng. Đồng thời, E được quản lý và sử dụng số cây trồng nêu trên.

[3.5] Như vậy, Hội đồng xét xử phân chia thừa kế đối với thửa đất 145, 148, 165 và thửa 166 cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng như sau:

** Thửa 148 được chia cụ thể như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 1.087m² đất tại thửa 148, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất chia cho NLQ 2 tại thửa 148 có số đo là 21,25m và giáp đất của bà A có số đo 37,7m.

- Hướng Tây giáp đất của bà TH có số đo 61,7m.

- Hướng Nam giáp thửa 145 của VT có số đo 16m.

- Hướng Bắc giáp lộ nông thôn Sông Hậu có số đo 17,15m.

+ Người có liên quan NLQ 2 được hưởng thừa kế 121m² tại thửa 148, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của bà A có số đo 21,25m.

- Hướng Tây giáp phần đất chia cho ông T tại thửa 148 có số đo 21,25m.

- Hướng Nam giáp phần chia cho ông T tại thửa 148 có số đo 5,7m.

- Hướng Bắc giáp lộ nông thôn Sông Hậu có số đo 5,7m.

** Thửa 145 được chia như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 1.482m² đất tại thửa 145, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất bà TH có số đo 60,03m.

- Hướng Tây giáp thửa 145 của VT đã bán cho ông NLQ 10 có số đo 60,03m.

- Hướng Nam giáp đất của ông T, bà TH và bà A có số đo 24,4m.

- Hướng Bắc giáp thửa 148 của VT và đất của bà A có số đo 25m.

** Thửa 166 được chia như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 363m² đất tại thửa 166, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất của ông L và phần đất của ông T mua của ông 5 Đạo có số đo 15,4m.

- Hướng Tây giáp đất của bà G có số đo 15,4m.
- Hướng Nam giáp đê bao có số đo 23,57m.
- Hướng Bắc giáp phần đất tại thửa 166 chia cho NLQ 2 có số đo 23,57m.
- + Người có liên quan NLQ 2 được hưởng thừa kế 3.831m² tại thửa 166 (trong đó bao gồm cả phần đất NLQ 2 đã bán cho bà NLQ 11), có số đo tứ cận như sau:
 - Hướng Đông giáp đất của ông L có số đo 159,9m.
 - Hướng Tây giáp đất của ông N và bà G có số đo 159,9m.
 - Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông T tại thửa 166 có số đo 23,57m.
 - Hướng Bắc giáp đất của ông K có số đo 24,34m.
- * *Thửa 165 được chia như sau:*
 - + Bị đơn T được hưởng thừa kế 1.215,6m² đất tại thửa 165 phần bên phía nhà ông T, có số đo tứ cận như sau:
 - Hướng Đông giáp phần đất của ông T đang sử dụng có số đo 19.52m²;
 - Hướng Tây giáp đất quốc lộ Nam Sông Hậu có số đo 19.18m;
 - Hướng Nam giáp đất ông T và giáp đất bà M có số đo 40.94m + 22,06m;
 - Hướng Bắc giáp đất bà NLQ 2 được chia thừa kế có số đo 63.01m.
 - + Nguyên đơn E được hưởng thừa kế 303.8m², có số đo tứ cận như sau:
 - Hướng Đông giáp phần đất của ông T đang sử dụng có số đo 4.83;
 - Hướng Tây giáp đất quốc lộ Nam Sông Hậu có số đo 4.82m;
 - Hướng Nam giáp phần đất của ông T được chia thừa kế có số đo 63.01m;
 - Hướng Bắc giáp đất ông Q có số đo 15,1m + 47,9m.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng thì thấy,

[4.1] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về việc theo như biên bản định giá của Tòa án thì giá trị cây trồng trên đất là 22.850.000 đồng, nhưng khi buộc nguyên đơn trả giá trị cây trồng cho bị đơn trên phần đất được chia thì chỉ có giá trị là 21.100.000 đồng là có căn cứ, do cấp sơ thẩm có sai sót về số liệu. Tuy nhiên, sau khi cấp phúc thẩm tiến hành thẩm định lại thì số lượng cây trồng trên phần đất tranh chấp đã được thay đổi, nên việc xác định giá trị cây trồng bà E phải hoàn trả cho ông T cũng có sự thay đổi. Nên Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp.

[4.2] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về việc Tòa án tuyên xử buộc nguyên đơn trả giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn với số tiền 21.100.000 đồng nhưng lại không tính án phí. Nhận thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định "*Trường hợp các đương sự không tự xác định được phần tài sản của mình trong khối tài sản chung và có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đó thì mỗi đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng*" như vừa phân tích trên, sau khi thụ lý Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành thẩm định lại thì số lượng cây trồng đã được thay đổi, nên việc xác định giá trị cây trồng E phải trả cho ông T cũng có sự thay đổi. Theo đó, thì giá trị cây trồng E phải trả cho ông T là 26.170.000 đồng và E phải chịu án phí sơ thẩm có giá gạch đối với số tiền tiền này.

[4.3] Đối với kháng nghị, nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa đất 165, và đồng ý tặng cho các thửa 148, 145, 166 nhưng bản án sơ thẩm lại chia thừa kế tất cả các thửa đất 148, 145, 166 là chưa phù hợp quy định pháp luật. Nhận thấy, tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2014 nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại tại các thửa 148, 145, 166 và 165 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn cũng không có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện không chia thừa kế đối với phần đất nào. Nên việc Tòa án giải quyết chia thừa kế các thửa đất nêu trên là có căn cứ và hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Việc nguyên đơn tự nguyện lấy các phần thừa kế của mình tại các thửa 148, 145 và 166 tặng cho lại cho các bị đơn là khi đã xác định phần thừa kế của nguyên đơn được hưởng tại các thửa đất này, nghĩa là các phần đất này đã được chia thừa kế. Kháng nghị của Viện kiểm sát về phần này là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4.4] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nhà nước cấp đất tại thửa 165 diện tích 1.945m² nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên xử chia thừa kế thửa đất 165 với tổng diện tích 6.013m², trên lệch 4.068m² là khó khăn trong giai đoạn thi hành án. Nhận thấy, thửa đất 165 có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 1.945m², nhưng khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định thì diện tích đến 6.013m² là bao trùm luôn các hộ dân khác (như liệt kê ở phần trên), nên khi Thi hành án sẽ dẫn đến phát sinh tranh chấp, không thi hành được. Do đó, cấp phúc thẩm đã tiến hành thẩm định lại phần đất tranh chấp tại thửa 165, thì diện tích của thửa 165 sau khi trừ diện tích thu hồi 418,9m², thì diện tích thực tế còn lại của thửa 165 là 1.519,4m². Kháng nghị phần này của Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kháng cáo của ông T là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ một phần, Hội đồng chấp nhận một phần kháng nghị.

Do bản án sơ thẩm bị cải sửa, nên cần điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 62/2017/DS-ST, ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã xét xử về việc "Tranh chấp thừa kế" giữa nguyên đơn bà E với bị đơn ông T như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 165 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 357, 609, 612, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn E.

1/. Tuyên bố diện tích đất tại các thửa đất 145, 148, 165 và 166 cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông VT là di sản thừa kế của ông VT và vợ là bà Bà C.

2/. Chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất nêu trên, cụ thể như sau:

** Thửa 148 được chia cụ thể như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 1.087m² đất tại thửa 148, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất chia cho NLQ 2 tại thửa 148 có số đo là 21,25m và giáp đất của bà A có số đo 37,7m.

- Hướng Tây giáp đất của bà TH có số đo 61,7m.

- Hướng Nam giáp thửa 145 của VT có số đo 16m.

- Hướng Bắc giáp lộ nông thôn Sông Hậu có số đo 17,15m.

+ Người có liên quan NLQ 2 được hưởng thừa kế 121m² tại thửa 148, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của bà A có số đo 21,25m.

- Hướng Tây giáp phần đất chia cho ông T tại thửa 148 có số đo 21,25m.

- Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông T tại thửa 148 có số đo 5,7m.

- Hướng Bắc giáp lộ nông thôn Sông Hậu có số đo 5,7m.

** Thửa 145 được chia như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 1.482m² đất tại thửa 145, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất bà TH có số đo 60,03m.

- Hướng Tây giáp thửa 145 của VT đã bán cho ông NLQ 10 có số đo 60,03m.

- Hướng Nam giáp đất của ông T, bà TH và bà A có số đo 24,4m.

- Hướng Bắc giáp thửa 148 của VT và đất của bà A có số đo 25m.

** Thửa 166 được chia như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 363m² đất tại thửa 166, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất của ông L và phần đất của ông T mua của ông 5 Đạo có số đo 15,4m.

- Hướng Tây giáp đất của bà G có số đo 15,4m.
- Hướng Nam giáp đê bao có số đo 23,57m.
- Hướng Bắc giáp phần đất tại thửa 166 chia cho NLQ 2 có số đo 23,57m.
- + Người có liên quan NLQ 2 được hưởng thừa kế 3.831m² tại thửa 166 (trong đó bao gồm cả phần đất NLQ 2 đã bán cho bà NLQ 11), có số đo tứ cận như sau:
 - Hướng Đông giáp đất của ông L có số đo 159,9m.
 - Hướng Tây giáp đất của ông N và bà G có số đo 159,9m.
 - Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông T tại thửa 166 có số đo 23,57m.
 - Hướng Bắc giáp đất của ông K có số đo 24,34m.

** Thửa 165 được chia như sau:*

+ Bị đơn T được hưởng thừa kế 1.215,6m² đất tại thửa 165 phần bên phía nhà ông T, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông T đang sử dụng có số đo 19.52m²;
- Hướng Tây giáp đất quốc lộ Nam Sông Hậu có số đo 19.18m;
- Hướng Nam giáp đất ông T và giáp đất bà M có số đo 40.94m + 22,06m;
- Hướng Bắc giáp đất bà NLQ 2 được chia thừa kế có số đo 63.01m.

+ Nguyên đơn E được hưởng thừa kế 303.8m², có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông T đang sử dụng có số đo 4.83;
- Hướng Tây giáp đất quốc lộ Nam Sông Hậu có số đo 4.82m;
- Hướng Nam giáp phần đất của ông T được chia thừa kế có số đo 63.01m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Q có số đo 15,1m + 47,9m.

Bà E phải trả giá trị bằng tiền đối với các cây trồng cho ông T với số tiền là 26.170.000đ (*hai mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng*). Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà E không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà E còn phải trả cho ông T số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

Nguyên đơn bà E được quản lý sử dụng số lượng cây trồng gồm :Dừa mới trồng có 14 cây; Nhãn da bò loại lớn có 15 cây; Nhãn da bò loại nhỏ có 3 cây; Chanh bông tím loại lớn có 20 cây; Chanh bông tím loại nhỏ có 25 cây; Xoài Đoài loan loại nhỏ có 15 cây; Ổi mới cho trái có 20 cây và vú sữa loại đang cho trái có 7 cây.

(Có sơ đồ phân chia đất thừa kế kèm theo bản án)

3/. *Chi phí định giá tài sản:* Bà E đồng ý chịu chi phí định giá tài sản là 2.400.000đ (*hai triệu bốn trăm ngàn đồng*). Bà E đã nộp đủ và đã sử dụng hết cho việc định giá tài sản.

4/. *Án phí sơ thẩm:*

- Bà E phải chịu là 2.068.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà E đã nộp là: 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003191, ngày 12/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà E còn phải nộp thêm số tiền là 68.000 đồng.

- Bị đơn T phải chịu là 20.119.000 đồng.

- Người liên quan NLQ 2 phải chịu là 9.880.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009287, ngày 27/9/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện K. Như vậy bị đơn đã nộp xong.

Chi phí thẩm định phúc thẩm: Bị đơn ông T phải chịu là 990.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo phiếu thu số 001GD, ngày 03/01/2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Ông T đã thực hiện xong.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thiện Kế